

INSTITUTE OF ANTHROPOLOGY

In 300 cuốn, tại Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ Hoàng Quốc Việt, theo Giấy phép xuất bản số 139/GP-BVHTT, ngày 22-4-2013. Phát hành qua mạng lưới bưu điện Việt Nam trên toàn quốc: Mã ấn phẩm: C212; Hotline 1800.585855. Hoặc tòa soạn Tạp chí Dân tộc học (Số ĐT: 02462730420). In xong và nộp lưu chiểu tháng 4-2022

Giá: 40.000đ

TẠP CHÍ DÂN TỘC HỌC - SỐ 2 (230) - 2022 ANTHROPOLOGY REVIEW



ISSN 0866 - 7632

TẠP CHÍ DÂN TỘC HỌC

2 (230)
2022

VIỆN DÂN TỘC HỌC
VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

DÂN TỘC HỌC

Tạp chí chuyên ngành Dân tộc học
Năm thứ XXXXVIII
Số 2 (230) - 2022

Ra hai tháng một kỳ

TÒA SOẠN VÀ TRỊ SỰ
Tầng 10, nhà A, số 1 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 84-024-62730420
E-mail: tapchidantochoc@gmail.com
Website: viendantochoc.vass.gov.vn

VIỆN DÂN TỘC HỌC - VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

| | | MỤC LỤC | Trang |
|---|---|---------|-------|
| Tổng biên tập PGS.TS. NGUYỄN VĂN MINH | | | |
| Phó Tổng biên tập TS. NGUYỄN THỊ THANH BÌNH | | | |
| * * * | | | |
| HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP | | | |
| PGS.TS. Nguyễn Văn Minh (Chủ tịch) | | | |
| TS. Bùi Thị Bích Lan (Thư ký) | | | |
| TS. Nguyễn Thị Thanh Bình | | | |
| PGS.TS. Phạm Quang Hoan | | | |
| PGS.TS. Vương Xuân Tình | | | |
| PGS.TS. Bùi Văn Đạo | | | |
| PGS.TS. Nguyễn Ngọc Thanh | | | |
| PGS.TS. Bùi Xuân Đỉnh | | | |
| TS. Trần Văn Hà | | | |
| TS. Lý Hành Sơn | | | |
| TS. Trần Minh Hằng | | | |
| TS. Nguyễn Công Thảo | | | |
| * * * | | | |
| TÒA SOẠN VÀ TRỊ SỰ | | | |
| TS. Hoàng Phương Mai (Thư ký) | | | |
| ThS. Phạm Thị Thu Hà | | | |
| ThS. Lục Mạnh Hùng | | | |
| Thiết kế bìa: ThS. Lục Mạnh Hùng | | | |
| Chuyển ngữ: ThS. Vương Ngọc Thi | | | |
| Tài khoản: Viện Dân tộc học STK: 001.1.00.1715230 Sở giao dịch Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Số 11 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội | | | |
| Nguyễn Văn Chính | * Người Ngái ở Việt Nam: Lịch sử, văn hóa và ý thức về bản sắc | 3 | |
| Nguyễn Thị Thanh Bình | * Ý thức quốc gia qua nhận thức về biên giới của một số tộc người ở khu vực biên giới huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang | 20 | |
| Lý Hành Sơn | * Đồi nét về sự đa dạng sinh kế của một số tộc người ở khu vực biên giới tỉnh Hà Giang | 35 | |
| Lê Thị Mùi | * Tính rủi ro trong quá trình thương mại hóa cây lâm sản ở khu vực biên giới huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai | 48 | |
| Nguyễn Thị Thanh Bình | * Từ khả năng sản xuất đến tiềm năng tiêu thụ: Mở rộng cách tiếp cận về phát triển sinh kế bền vững cho các tộc người ở Việt Nam hiện nay | 61 | |
| Nguyễn Công Thảo | * Quá trình xây dựng và đặc điểm chính sách thông tin truyền thông dân tộc thiểu số của Trung Quốc từ năm 1949 đến nay | 72 | |
| Lâm Minh Châu | * Một số khía cạnh nghiên cứu về thời điểm thành lập miếu Nhị Phủ ở Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh | 84 | |
| Lê Ngọc Huynh | * Giá trị của dân ca dân tộc Mnông ở tỉnh Đắk Nông | 95 | |
| Đặng Hoàng Lan | * Phòng chống âm mưu chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc của các thế lực thù địch trong cộng đồng người Khơ-me ở tỉnh Sóc Trăng | 106 | |
| Trần Văn Lập | * Lễ Đổng - Mở cửa rừng của người Mường ở xã Minh Hòa, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ | 117 | |
| Dương Thị Ngọc Minh | | | |
| Lâm Châu Tuấn | | | |
| Bùi Xuân Đỉnh | | | |
| Nguyễn Thị Hào | | | |

| | | TABLE OF CONTENT | |
|--|-----------------------|--|-------------|
| | | | Page |
| Editor-in-chief | | | |
| Assoc.Prof.Dr. NGUYEN VAN MINH | | | |
| Deputy Editor-in-chief | | | |
| Dr. NGUYEN THI THANH BINH | | | |
| * * * | | | |
| EDITORIAL COMMITTEE | | | |
| Assoc.Prof.Dr. Nguyen Van Minh (Chairman) | | | |
| Dr. Bui Thi Bich Lan (Sub-editor) | | | |
| Dr. Nguyen Thi Thanh Binh | | | |
| Assoc.Prof.Dr. Bui Van Dao | | | |
| Assoc.Prof.Dr. Bui Xuan Dinh | | | |
| Assoc.Prof.Dr. Pham Quang Hoan | | | |
| Assoc.Prof.Dr. Vuong Xuan Tinh | | | |
| Assoc.Prof.Dr. Nguyen Ngoc Thanh | | | |
| Dr. Tran Van Ha | | | |
| Dr. Ly Hanh Son | | | |
| Dr. Tran Minh Hang | | | |
| Dr. Nguyen Cong Thao | | | |
| * * * | | | |
| EDITORIAL OFFICE AND ADMINISTRATION | | | |
| Dr. Hoang Phuong Mai (Sub-editor) | | | |
| MA. Pham Thi Thu Ha | | | |
| MA. Luc Manh Hung | | | |
| Cover designed: MA. Luc Manh Hung | | | |
| Translation: M.A. Vuong Ngoc Thi | | | |
| | Nguyen Van Chinh | * The Ngai People in Vietnam: History, Culture, and Identity Consciousness | 3 |
| | Nguyen Thi Thanh Binh | * National Consciousness Reflected through Border Awareness of Some Ethnic Groups in the Border Area of Vi Xuyen District, Ha Giang Province | 20 |
| | Ly Hanh Son | | |
| | Le Thi Mui | * Aspects of Livelihood Diversity in Some Ethnic Groups in the Border Area of Ha Giang Province | 35 |
| | Nguyen Thi Thanh Binh | | |
| | Nguyen Cong Thao | * Risks in the Commercialisation of Economic Forest Trees in the Border Area of Muong Khuong District, Lao Cai Province | 48 |
| | Lam Minh Chau | * From Production Capacity to Consumption Potential: Expanding the Approach to Sustainable Livelihood Development for Ethnic Groups in Vietnam Today | 61 |
| | Le Ngoc Huynh | * Development and Characteristics of China's Ethnic Minority Information and Communication Policy since 1949 | 72 |
| | Dang Hoang Lan | * The Establishment of Nhi Phu Temple in District 5, Ho Chi Minh City | 84 |
| | Tran Van Lap | * The Value of the Mnong's Folk Songs in Dak Nong Province | 95 |
| | Duong Thi Ngoc Minh | * Preventing a Division of Vietnam's National Unity by Solving Ethnic and Religious Issues in the Khmer Community in Soc Trang Province | 106 |
| | Lam Chau Tuan | | |
| | Bui Xuan Dinh | * Forest Closing and Opening Ceremonies of the Muong people in Minh Hoa Commune, Yen Lap District, Phu Tho Province | 117 |
| | Nguyen Thi Hao | | |

TÓM TẮT TIẾNG VIỆT SỐ 2/2022

1. Nguyễn Văn Chính: Người Ngái ở Việt Nam: Lịch sử, văn hóa và ý thức về bản sắc

Tóm tắt: Bài viết trình bày những phát hiện mới về người Ngái ở Việt Nam, tập trung vào bản sắc và những yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức về bản sắc tộc người. Từ góc nhìn lý thuyết, có quan điểm cho rằng bản sắc tộc người như một cấu trúc sinh học có sẵn (thuyết bản thể luận) nhưng cũng có quan điểm ngược lại, cho rằng bản sắc là một cấu trúc được kiến tạo (thuyết tình thế luận). Những phát hiện từ nghiên cứu của chúng tôi làm sâu thêm quan điểm cho rằng nhận thức về dân tộc tính này sinh trong quá trình tương tác giữa các nhóm dân tộc và bản sắc tộc người cũng linh hoạt và thay đổi khi hoàn cảnh thay đổi. Người Ngái ở Việt Nam (với các nhóm San Ngái và Khách Gia) vốn được coi là các nhóm địa phương của dân tộc Hoa/Hán. Tuy nhiên, việc xem xét tên gọi, lịch sử di trú, đặc điểm ngôn ngữ và văn hóa các nhóm này cho thấy họ là một cộng đồng có ít mối liên hệ với dân tộc Hán. Quá trình tương tác tộc người trong lịch sử với Hán tộc và các nhóm tộc người khác ở vùng Hoa Nam (Trung Quốc) và Việt Nam làm cho nhận thức về bản sắc tộc người có sự khác biệt giữa các nhóm, phản ánh tình trạng mơ hồ về bản sắc tộc người.

Từ khóa: Ngái, Hakka, bản sắc tộc người, ý thức tộc người, mơ hồ về bản sắc.

2. Nguyễn Thị Thanh Bình, Lý Hành Sơn: Ý thức quốc gia qua nhận thức về biên giới của một số tộc người khu vực biên giới huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang

Tóm tắt: Vùng biên giới Việt Nam – Trung Quốc là nơi sinh sống của nhiều dân tộc, đóng vai trò rất quan trọng trong việc bảo vệ chủ quyền quốc gia, song đến nay vẫn chưa có nhiều nghiên cứu sâu về ý thức quốc gia của các dân tộc nơi đây. Từ kết quả nghiên cứu năm 2021, bài viết này góp phần làm rõ ý thức quốc gia thể hiện qua nhận thức về biên giới của các dân tộc Hmông, Tày, Nùng hiện nay ở hai xã giáp biên là Lao Chải và Thanh Thủy của huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang. Theo đó, do từng trải qua chiến tranh biên giới phía Bắc năm 1979 do Trung Quốc phát động, các hình thức tuyên truyền của cơ quan chức năng ở Trung ương và địa phương cũng như những tác động từ bên kia biên giới, nhận thức về biên giới, đường biên, cột mốc quốc gia của người dân các dân tộc ngày càng được củng cố và trở nên rõ ràng, nâng cao thêm về trình độ. Kết quả nghiên cứu cho thấy hầu hết người dân đều thích sống ở quê hương Việt Nam hiện nay, sẵn sàng nối tiếp cha ông tham gia xây dựng và bảo vệ đường biên, cột mốc quốc gia.

Từ khóa: Ý thức quốc gia, nhận thức, biên giới, Hà Giang, Hmông, Tày, Nùng.

3. Lê Thị Mùi, Nguyễn Thị Thanh Bình: Đôi nét về sự đa dạng sinh kế ở một số tộc người khu vực biên giới tỉnh Hà Giang

Tóm tắt: Vấn đề sinh kế của các tộc người ở nước ta đã được quan tâm nghiên cứu trong vài thập niên gần đây. Kết quả góp phần đưa ra các thông tin về sự đa dạng sinh kế, nguồn sinh kế ở các tộc người tại các vùng miền, nhiều nghiên cứu tập trung phân tích sinh kế của một địa phương, một tộc người hay một vùng đơn lẻ, song ít đưa ra các trường hợp mang tính so sánh và bàn luận về sự khác biệt đó. Trên cơ sở tư liệu thực địa tại 4 xã với 4 tộc người Hmông, Tày, Nùng và Lô Lô ở khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc thuộc tỉnh Hà Giang, bài viết mong muốn cung cấp những ví dụ cụ thể về

đa dạng sinh kế ở các tộc người thể hiện ngay từ cấp độ thôn bản, qua đó làm rõ ảnh hưởng của vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và xã hội tới sự lựa chọn các hoạt động sinh kế của người dân ở mỗi địa phương.

Từ khoá: Sinh kế, đa dạng sinh kế, Hmông, Tày, Nùng, Lô Lô, biên giới, Hà Giang.

4. Nguyễn Công Thảo: Tính rủi ro trong quá trình thương mại hóa cây lâm sản ở khu vực biên giới huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai

Tóm tắt: Phát triển kinh tế rừng được coi là một hướng đi hiệu quả trong bối cảnh vùng cao ở nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam. Tuy nhiên, để đảm bảo tính bền vững, quá trình này cần được kiểm soát trên cơ sở đánh giá đầy đủ các điều kiện, nguồn lực tại chỗ cũng như nhu cầu của thị trường. Bài viết chỉ ra một số rủi ro mà xu thế thương mại hóa cây lâm sản đặt ra đối với người Hmông và Dao tại khu vực biên giới huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai. Những thách thức này có thể khiến thu nhập của người dân bị suy giảm, đồng thời gây ra những hệ lụy tiêu cực cho việc quản lý và bảo vệ rừng.

Từ khóa: Kinh tế lâm nghiệp, cây lâm sản, quản lý rừng bền vững, văn hóa và phát triển.

5. Lê Ngọc Huynh: Quá trình xây dựng và đặc điểm chính sách thông tin truyền thông dân tộc thiểu số của Trung Quốc từ 1949 đến nay

Tóm tắt: Truyền thông được coi là phương tiện quan trọng chuyển tải thông điệp chính sách của nhà nước Trung Quốc đối với người dân, trong đó sử dụng ngôn ngữ dân tộc thiểu số là giải pháp hữu hiệu. Vì vậy, ngay sau khi thành lập nước năm 1949, Chính phủ Trung Quốc không ngừng đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, đội ngũ cán bộ, đổi mới trang thiết bị... cho phát triển lĩnh vực truyền thông dân tộc thiểu số. Đến nay, hệ thống thông tin cơ bản được hoàn thiện, nhất là việc sử dụng đa ngôn ngữ tộc người trong nội dung trên các phương tiện truyền thông. Điều này giúp nhà nước Trung Quốc dễ dàng tuyên truyền chính sách kinh tế, văn hóa, xã hội..., trong đó, luôn quán triệt tư tưởng đoàn kết dân tộc, chống kỳ thị tộc người, tôn giáo; bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa mang tính bản sắc tộc người, tạo được sức ảnh hưởng đối với đồng tộc ở bên kia biên giới.

Từ khóa: Chính sách, thông tin truyền thông, dân tộc thiểu số, Trung Quốc.

6. Lâm Minh Châu: Từ khả năng sản xuất đến tiềm năng tiêu thụ: Mở rộng cách tiếp cận về phát triển sinh kế bền vững cho các tộc người ở Việt Nam hiện nay

Tóm tắt: Sinh kế bền vững là một chủ đề nghiên cứu quan trọng của Dân tộc học/Nhân học ở Việt Nam trong hai thập kỷ qua. Mặc dù sử dụng nhiều cách tiếp cận khác nhau, nhưng các nghiên cứu về sinh kế bền vững ở Việt Nam có một điểm chung: đó là khi đánh giá tính bền vững của sinh kế, các nghiên cứu chủ yếu tập trung vào tính bền vững của khả năng sản xuất. Bài viết này cho rằng khi phân tích tính bền vững của sinh kế, cần dành sự quan tâm tương xứng cho việc đánh giá tính bền vững của tiềm năng tiêu thụ. Bài viết cũng chỉ ra rằng tính bền vững của tiềm năng tiêu thụ có thể bị tác động bởi nhiều yếu tố. Ngoài sự sụt giảm của nhu cầu tiêu thụ, tiềm năng tiêu thụ còn có thể bị ảnh hưởng bởi các điều kiện bất lợi từ chính sách, sự gia tăng cạnh tranh/sự thay đổi trong tổng nguồn cung, sự thay đổi về thị hiếu và biến động tỉ suất lợi nhuận trên chi phí.

Từ khóa: Sinh kế bền vững, tiềm năng tiêu thụ, chính sách, thị hiếu, cạnh tranh.

7. Đặng Hoàng Lan: Một số khía cạnh nghiên cứu về thời điểm thành lập miếu Nhị Phủ ở Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

Tóm tắt: Từ khoảng thế kỷ XVII, bởi nguyên nhân chính từ kinh tế và chính trị đã có những dòng di dân lớn từ lục địa và hải đảo Trung Quốc đến Việt Nam. Cùng với sự biến động của lịch sử Trung Quốc, số lượng người Hoa đến Việt Nam ngày càng tăng, trong đó tập trung chủ yếu tại Sài Gòn - Chợ Lớn. Nổi bật trong số các nhóm phương ngữ nhập cư đầu tiên đến Sài Gòn - Chợ Lớn là nhóm Hoa Phúc Kiến, tại đây họ đã xây dựng ngôi miếu Nhị Phủ, nơi ghi dấu những giá trị về lịch sử và văn hóa quan trọng về sự nhập cư, hình thành và phát triển của cộng đồng người Hoa Phúc Kiến cùng với bản sắc văn hoá đặc trưng của họ. Thông qua cứ liệu lịch sử du nhập của nhóm Hoa Phúc Kiến vào Sài Gòn - Chợ Lớn, đối tượng được thờ chính trong miếu và niên đại di vật trong miếu, cứ liệu ngôn ngữ học (địa danh) ..., bài viết bàn luận về thời điểm thành lập miếu Nhị Phủ.

Từ khóa: Sài Gòn - Chợ Lớn, miếu Nhị Phủ, người Hoa Phúc Kiến.

8. Trần Văn Lập: Giá trị của nghệ thuật trình diễn dân ca Nau M'pring của dân tộc Mnông tỉnh Đắk Nông

Tóm tắt: Dân ca Mnông được hình thành trên cơ sở xã hội có tính nguyên hợp, tính cộng đồng cao được người Mnông sáng tác, lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác và được coi là tài sản chung của tộc người. Dân ca Mnông được sản sinh ra từ cuộc sống lao động sản xuất, đáp ứng đời sống tinh thần, được thực hành trong những câu hát ru, hát khấn thần trong các nghi lễ, hát đố, hát đồng giao, hát kể sử thi và hát giao duyên (M'pro, Tăm Pót). Mặc dù trải qua nhiều biến cố lịch sử, nhưng những bài dân ca Mnông vẫn sống mãi với thời gian, là hành trang theo bước người dân từ thế hệ này sang thế hệ khác. Dân ca Mnông mang nhiều giá trị văn hóa, lịch sử, nghệ thuật, khoa học, giáo dục và thể hiện đậm nét sự kết hợp hài hòa giữa cuộc sống với nghệ thuật, âm điệu, nhịp điệu, tiết tấu và lời ca thường gắn với môi trường thiên nhiên và lao động sản xuất.

Từ khóa: Dân ca, Nau M'pring, dân tộc Mnông, nghệ thuật trình diễn dân gian.

9. Dương Thị Ngọc Minh, Lâm Châu Tuấn: Công tác đấu tranh chống âm mưu chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo trong cộng đồng người Khmer ở tỉnh Sóc Trăng

Tóm tắt: Dân tộc, tôn giáo luôn là vấn đề nhạy cảm và tác động đến nhiều mặt đời sống xã hội. Lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để chống phá đoàn kết toàn dân tộc và sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta là âm mưu thường xuyên của các thế lực thù địch. Với hơn 30% dân số là người dân tộc Khmer, Sóc Trăng được xem là địa bàn tiềm ẩn nhiều vấn đề về dân tộc, tôn giáo. Các thế lực thù địch thường xuyên lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để tổ chức một số hoạt động ngày càng công khai nhằm chống phá khối đại đoàn kết dân tộc và sự nghiệp cách mạng của Đảng và Nhân dân ta. Bài viết điểm lại một số thành tựu của công tác đấu tranh chống lại âm mưu của các thế lực thù địch và đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả của công tác này trong cộng đồng người Khmer ở tỉnh Sóc Trăng.

Từ khóa: Sóc Trăng; dân tộc Khmer; dân tộc; tôn giáo; đoàn kết dân tộc.

10. Bùi Xuân Đính, Nguyễn Thị Hảo: Lễ Đóng - Mở cửa rừng của người Mường ở xã Minh Hòa, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ

Tóm tắt: Người Mường sinh sống từ lâu đời trong các thung lũng chân núi, được bao bọc bởi đồi núi và sông suối, tạo ra các hoạt động sinh kế phong phú, trong đó nguồn thu nhập từ rừng chiếm tỷ trọng lớn. Lễ Đóng cửa rừng và lễ Mở cửa rừng là nghi lễ quan trọng trong sinh hoạt tín ngưỡng, văn hóa của người Mường, thể hiện sự gắn bó giữa con người với môi trường, sự tôn kính của con người với thần linh rừng núi cùng nhận thức và ứng xử nhằm bảo vệ nguồn lợi lâu dài của tự nhiên. Bài viết giới thiệu tư liệu về lễ Đóng - Mở cửa rừng của người Mường ở xã Minh Hòa (huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ) góp phần làm sáng tỏ các khía cạnh trên.

Từ khóa: Người Mường, lễ Đóng- Mở cửa rừng, nghi lễ, tín ngưỡng, Phú Thọ.

ABSTRACTS VOLUME 2/2022

1. **Nguyen Van Chinh: Ngai People in Vietnam: History, Culture, and Identity Consciousness**

Abstract: *The article presents new findings about the Ngai people in Vietnam, focusing on the identity and factors of ethnic identity. Discussed theoretical perspectives include one according to which ethnic identity is a built-in biological structure (primordialism) and the opposite view, that identity is a constructed structure (circumstantialism). The findings from the study reinforce the notion that consciousness of ethnicity arises during the interaction between ethnic groups and that ethnic identity is flexible, and changes as circumstances change. The Ngai people in Vietnam (with the San Ngai and Hakka subgroups) are considered local subgroups of the Hoa/Han Chinese ethnic group. However, considering these subgroups' names, immigration history, language, and cultural characteristics, they are communities with little connection to the Han ethnic group. The history of ethnic interactions with the Han and other ethnic groups in South China and Vietnam makes the perception of ethnic identity different between these groups, reflecting the ambiguity about ethnic identity.*

Keywords: *Ngai, Hakka, ethnic identity, ethnic consciousness, identity ambiguity.*

2. **Nguyen Thi Thanh Binh, Ly Hanh Son: National Consciousness Reflected through Border Awareness of Some Ethnic Groups in the Border Area of Vi Xuyen District, Ha Giang Province**

Abstract: *The Vietnam-China border area is inhabited by many ethnic groups and plays a critical role in protecting national sovereignty. Nevertheless, there have not been many in-depth studies on the national consciousness of the people in the locality. Based on the research results in 2021, the article contributes to clarifying national consciousness expressed through the border awareness of the Hmong, Tay, and Nung ethnic groups in the two border communes of Lao Chai and Thanh Thuy, Vi Xuyen district, Ha Giang province. Following the 1979 northern border war launched by China, the central and local propaganda, and the impacts from across the border, the awareness of ethnic groups of national borders, borderlines and milestones have been increasingly consolidated and become conscious. The level of awareness has also been further improved. Research results show that most people prefer to live in their current homeland in Vietnam, ready to follow in the footsteps of their forefathers to participate in the construction and protection of the national borders and landmarks.*

Keywords: *National consciousness, awareness, border, Ha Giang, Hmong, Tay, Nung.*

3. **Le Thi Mui, Nguyen Thi Thanh Binh: Aspects of Livelihood Diversity in Some Ethnic Groups in the Border Area of Ha Giang Province**

Abstract: *The study of ethnic groups' livelihoods in our country has received more attention in recent decades. The results contribute to providing information on livelihood diversity and resources of ethnic groups in different regions. Many studies focused on analysing the livelihoods of a locality, an ethnic group or a single region. However, comparative studies that discuss differences are rare. Based on field data in four communes with four ethnic groups – Hmong, Tay, Nung, and Lo Lo – in the Vietnam-*

China border area in Ha Giang province, the article aims to provide specific examples of ethnic groups' livelihood diversity shown from the village level. Thereby, the article clarifies the influence of geographical location and natural and social conditions on people's choice of livelihood activities in each locality.

Keywords: *Livelihoods, livelihood diversity, Hmong, Tay, Nung, Lo Lo, border, Ha Giang.*

4. Nguyen Cong Thao: Risks in the Commercialisation of Economic Forest Trees in the Border Area of Muong Khuong District, Lao Cai Province

Abstract: *Economic forest development is considered an effective direction in many countries, including Vietnam. However, to ensure sustainability, the process needs to be controlled based on a full assessment of local conditions, resources, and market demand. The article points out some risks that commercialising forest trees poses to the Hmong and Yao people in the border area of Muong Khuong district, Lao Cai province. These challenges threaten to reduce people's incomes and negatively affect forest management and protection.*

Keywords: *Forest economy, economic forest trees, sustainable forest management, culture and development.*

5. Le Ngoc Huynh: Development and Characteristics of China's Ethnic Minority Information and Communication Policy since 1949

Abstract: *The media is considered an essential means of conveying the Chinese state's policy messages to the people, in which using ethnic minority languages is an effective solution. Therefore, right after the country's founding in 1949, the Chinese Government invested in building infrastructure and cadre systems and renewing equipment to develop ethnic minority communications. After the basic system had been completed, it made it easy for the Chinese state to propagate economic, cultural, and social policies. The communications included the ideology of national unity and fostered the fight against ethnic and religious discrimination, preserving and promoting cultural values that reflect the ethnic identity and creating influences on cross-border ethnic groups on the other side of the border.*

Keywords: *Policy, information and communications, ethnic minorities, China.*

6. Lam Minh Chau: From Production Capacity to Consumption Potential: Expanding the Approach to Sustainable Livelihood Development for Ethnic Groups in Vietnam Today

Abstract: *Sustainable livelihoods have been an important research topic in ethnology and social and cultural anthropology over the past two decades. Despite the utility of different approaches, the studies on sustainable livelihoods in Vietnam have in common that, when assessing the sustainability of livelihoods, these studies mainly focus on the sustainability of production capabilities. The paper argues that when analysing the sustainability of livelihoods, adequate attention should be given to assessing the sustainability of consumption. The article also shows that the sustainability of consumption can be affected by various factors. In addition to the decline in consumer demand, consumption potential can also be affected by adverse policy conditions, increased competition and changes in supply, tastes, and profit-to-cost fluctuations.*

Keywords: Sustainable livelihoods, consumption potential, policies, tastes, competition.

7. Dang Hoang Lan: *The Establishment of Nhi Phu Temple in District 5, Ho Chi Minh City*

Abstract: A large migration from China's mainland and islands to Vietnam due to economic and political reasons took place in the 17th century. Along with the vicissitudes of Chinese history, the number of Hoa (Han Chinese) people coming to Vietnam had been increasing, mainly concentrating in Saigon-Cho Lon. Prominent among the dialect subgroups that first immigrated to Saigon-Cho Lon was the Hokkien Chinese group. There, they built the Nhi Phu temple, which represents important historical and cultural values of the Hokkien Chinese community's immigration, formation, and development, along with their distinctive cultural identity. Through an analysis of historical data on the immigration of the Hokkien Chinese into Saigon-Cho Lon, the main subjects of worship, related temple relics, and linguistic data, the article discusses the time of the establishment of Nhi Phu Temple.

Keywords: Saigon-Cho Lon, Nhi Phu Temple, Hokkien Chinese.

8. Tran Van Lap: *The Value of the Mnong's Nau M'Pring Folk Songs in Dak Nong Province*

Abstract: Mnong folk songs were formed and composed based on a society with a high sense of community and integrity, handed down from generation to generation and considered the common property of this ethnic group. Mnong folk songs have been born from their work life, answer to spiritual needs, and are practised in lullabies, religious songs, nursery rhymes, epics, and antiphonal love songs (M'pro, Tam Pot). Despite going through historical vicissitudes, the Mnong folk songs still maintain great vitality. These folk songs carry many cultural, historical, artistic, scientific, and educational values and intensely express the harmonious combination of life with art; their melody, rhythm, and lyrics are associated with the natural environment and production.

Keywords: Folk music, Nau M'pring, Mnong ethnic group, folk performance art.

9. Duong Thi Ngoc Minh, Lam Chau Tuan: *Preventing a Division of Vietnam's National Unity by Solving Ethnic and Religious Issues in the Khmer Community in Soc Trang Province*

Abstract: Ethnicity and religion are sensitive issues that affect many aspects of social life. Taking advantage of ethnic and religious issues to obstruct national unity and the revolutionary cause of our Party and people is a possible conspiracy of opposing forces aiming to disrupt national unity. With more than 30% of its population being of Khmer ethnicity, Soc Trang is an area with many underlying ethnic and religious problems. The article reviews some achievements of the fight against the plots of possibly hostile forces and proposes some solutions to improve the effectiveness of this work in the Khmer community in Soc Trang province.

Keywords: Soc Trang, Khmer people, ethnic, religion, national unity.

10. Bui Xuan Dinh, Nguyen Thi Hao: *Forest Closing and Opening Ceremonies of the Muong in Minh Hoa Commune, Yen Lap District, Phu Tho Province*

Abstract: The Muong people have lived for a long time in valleys, surrounded by hills and rivers, creating rich livelihood activities, in which the income from the forest accounts for a large proportion. The forest closing and opening ceremonies are essential rituals in the religious and cultural activities

of the Muong people, demonstrating the bond between the people and the environment, the respect of the people for the forest and mountain gods, and awareness of protecting the long-term benefits of nature. The article introduces data about the forest closing and opening ceremonies of the Muong people in Minh Hoa commune (Yen Lap district, Phu Tho province), contributing to clarifying these practices and their meaning.

Keywords: *Muong people, forest closing and opening, rituals, beliefs, Phu Tho.*